

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

BỘ Y TẾ

1. Hiệu lực:

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho các văn bản do Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành trước đây: Thông tư số 18/BXD-VKT ngày 10/6/1995 hướng dẫn thực hiện các hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư và xây dựng; Quyết định số 19/BXD-CSXD ngày 10/6/1995 ban hành Quy chế Hoạt động và đăng ký hành nghề tư vấn xây dựng; Quyết định số 500/BXD-CSXD ngày 18/9/1996 ban hành Quy chế Đăng ký và cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng.

2. Xử lý chuyển tiếp:

2.1. Các hình thức quản lý thực hiện dự án được quyết định theo Nghị định số 42/CP ngày 16/7/1996 và Nghị định số 92/CP ngày 23/8/1997 vẫn hoạt động theo quy định cũ cho đến khi kết thúc dự án. Các hình thức quản lý thực hiện dự án được quyết định theo quy định của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng 52/CP, thực hiện theo Thông tư này.

2.2. Các tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng, tư vấn xây dựng theo Quyết định số 500/BXD-CSXD ngày 18/9/1996 và Quyết định số 19/BXD-CSXD ngày 10/6/1995, được coi như đã đăng ký hoạt động xây dựng.

2.3. Các doanh nghiệp đang kinh doanh về xây dựng, tư vấn xây dựng và các tổ chức quản lý dự án đang hoạt động nhưng chưa đăng ký hoạt động xây dựng thì thực hiện đăng ký theo Thông tư này trước quý III năm 2000./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN MẠNH KIỂM

QUYẾT ĐỊNH số 645/2000/QĐ-BYT ngày 02/3/2000 ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Viện Dược liệu.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 68/CP ngày 11/10/1993 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 230/1998/QĐ-TTg ngày 30/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp các cơ quan nghiên cứu triển khai khoa học và công nghệ trực thuộc Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Dược liệu tại Tờ trình số 129/VDL-TC ngày 03/7/1999;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ và Vụ trưởng Vụ Khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Viện Dược liệu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Các quy định trước đây trái với quy định của Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Đào tạo, Vụ trưởng Vụ Y học cổ truyền - Bộ Y tế, Cục trưởng Cục Quản lý Dược Việt Nam, Viện trưởng Viện Dược liệu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Y tế

ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG

ĐIỀU LỆ Tổ chức và hoạt động của Viện Dược liệu

(ban hành kèm theo Quyết định số 645/2000/QĐ-BYT ngày 02/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

Chương I

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Điều lệ này quy định những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của Viện Dược liệu.

Điều 2. Viện Dược liệu (dưới đây gọi tắt là Viện) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế, được thành lập theo Quyết định số 324/QĐ-BYT ngày 13/4/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế và được sắp xếp lại theo Quyết định số 230/1998/QĐ-TTg ngày 30/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở làm việc tại Hà Nội.

Tên Viện:

- * Tên tiếng Việt: Viện Dược liệu.
- * Tiếng Anh: INSTITUTE OF MATERIA MEDICA.
- * Tiếng Pháp: INSTITUT DES MATIERES MEDICINALES.
- * Tên viết tắt: IMM.

Trụ sở: 3B Quang Trung- Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số điện thoại: 84 - 4 - 8.252.644.

Fax: 84 - 4 - 8.254.357.

E-mail: imm@fpt.vn.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện việc hợp tác nghiên cứu, triển khai các chương trình, dự án quốc gia và quốc tế được quy định tại Điều 4, Điều 5 của Điều lệ này, Viện được tài trợ (bằng tiền

hoặc hiện vật) theo cơ chế hợp đồng, thực hiện thu chi theo đúng quy định của Nhà nước.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA VIỆN

Điều 4. Viện có chức năng nghiên cứu toàn diện về dược liệu, về các chế phẩm thuốc từ dược liệu, về hiện đại hóa các dạng bào chế thuốc y học cổ truyền và đào tạo cán bộ chuyên ngành.

Điều 5. Viện có các nhiệm vụ sau đây:

1. Nghiên cứu khoa học:

1.1. Điều tra nghiên cứu động vật, thực vật và nguồn dược liệu trong toàn quốc, xác định những cây, con làm thuốc, có giá trị chữa bệnh và giá trị kinh tế cao. Thu thập và xây dựng hệ thống lưu giữ, bảo tồn nguồn gen cây, con làm thuốc; tổ chức xây dựng vườn quốc gia về dược liệu.

1.2. Nghiên cứu kỹ thuật nuôi trồng cây, con làm thuốc, các biện pháp bảo vệ, tái sinh các loại cây, con làm thuốc, đặc biệt cây, con làm thuốc thuộc loại quý, hiếm; nghiên cứu kỹ thuật tuyển chọn giống, phục tráng giống, tạo giống mới và giống tốt; nghiên cứu xây dựng vùng sản xuất dược liệu phục vụ nhu cầu sử dụng trong nước và xuất khẩu.

1.3. Nghiên cứu hóa thực vật, dược lý - sinh hóa, công nghệ sinh học, các phương pháp chiết tách các hoạt chất từ dược liệu. Xây dựng các phương pháp và quy trình chiết xuất công nghệ các hoạt chất làm thuốc từ dược liệu.

1.4. Nghiên cứu kỹ thuật bào chế, chế biến dược liệu và hiện đại hóa các dạng bào chế thuốc từ dược liệu; sản xuất thử nghiệm các dạng bào chế; sản xuất thử các mặt hàng do Viện nghiên cứu.

1.5. Chuyển nhượng và trao đổi các thành tựu nghiên cứu khoa học công nghệ của Viện cho các tổ chức khoa học kỹ thuật và các tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật.

1.6. Đề xuất với Bộ Y tế về những giải pháp khai thác, sử dụng, bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên dược liệu; về phát triển công tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực dược liệu.

2. Đào tạo:

2.1. Tham gia đào tạo đại học về chuyên ngành Dược liệu.

2.2. Đào tạo trên đại học về chuyên ngành dược liệu.

2.3. Đào tạo lại, đào tạo nâng cao trình độ, bổ túc nghiệp vụ và các phương pháp nghiên cứu về dược liệu cho cán bộ làm công tác dược liệu hoặc cán bộ có nhu cầu về chuyên ngành dược liệu.

3. Hợp tác quốc tế:

3.1. Thiết lập và duy trì mối quan hệ với các nước, các tổ chức trong khu vực và trên thế giới thuộc lĩnh vực dược liệu.

3.2. Hợp tác nghiên cứu khoa học; gửi và nhận đào tạo cán bộ; trao đổi kinh nghiệm, thông tin khoa học về dược liệu với các nước, các tổ chức và các cá nhân trong khu vực và trên thế giới.

4. Chỉ đạo phát triển dược liệu:

4.1. Giúp Bộ trưởng Bộ Y tế chỉ đạo các địa phương trong công tác nghiên cứu khoa học, sản xuất và phát triển dược liệu.

4.2. Tổ chức xuất bản Tạp chí Dược liệu, các tài liệu và sách chuyên khoa dược liệu.

5. Quản lý đơn vị:

5.1. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn

lực của đơn vị; quản lý tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức, tiền lương, tài chính, vật tư thiết bị của Viện theo chế độ và chính sách của Nhà nước.

5.2. Thực hiện ký kết các hợp đồng kinh tế, triển khai dịch vụ khoa học công nghệ, phát triển các dự án trong nước và quốc tế về lĩnh vực dược liệu theo đúng quy định của Nhà nước, góp phần bổ sung nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Viện và cải thiện đời sống cho cán bộ, công chức trong cơ quan.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA VIỆN

Điều 6. Viện có Viện trưởng và một số Phó Viện trưởng.

1. Viện trưởng, các Phó Viện trưởng do Bộ trưởng Bộ Y tế bổ nhiệm, miễn nhiệm. Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về toàn bộ hoạt động của Viện.

2. Việc bổ nhiệm Viện trưởng, các Phó Viện trưởng được thực hiện theo quy định của Nhà nước và của Bộ Y tế.

Điều 7. Hội đồng Khoa học của Viện.

1. Hội đồng Khoa học của Viện làm tư vấn cho Viện trưởng về công tác nghiên cứu khoa học, định hướng đào tạo cán bộ, công chức và dự báo xu thế phát triển của chuyên ngành.

2. Thành phần và phương thức hoạt động của Hội đồng Khoa học thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và của Bộ Y tế.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng Khoa học là 3 năm.

Điều 8. Tổ chức bộ máy của Viện:

1. Các phòng chức năng:

1.1. Phòng Quản lý khoa học và đào tạo.

1.2. Phòng Tổ chức - Cán bộ.

1.3. Phòng Tài chính - Kế toán.

1.4. Phòng Hành chính - Quản trị.

1.5. Phòng Vật tư thiết bị y tế.

2. Các khoa chuyên môn:

2.1. Khoa Hóa thực vật.

2.2. Khoa Hóa phân tích - Tiêu chuẩn.

2.3. Khoa Dược lý - Sinh hóa.

2.4. Khoa Bào chế và Chế biến.

2.5. Khoa Tài nguyên dược liệu.

2.6. Khoa Công nghệ chiết xuất.

3. Các đơn vị phục vụ nghiên cứu khoa học, đào tạo:

3.1. Trung tâm Nghiên cứu trồng và chế biến cây thuốc Hà Nội.

3.2. Trung tâm Sâm và Dược liệu thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Trung tâm Trồng, chế biến cây thuốc Đà Lạt.

3.4. Trạm Nghiên cứu trồng cây thuốc Sapa.

3.5. Trạm Nghiên cứu trồng cây thuốc Tam Đảo.

3.6. Trung tâm Thông tin - Thư viện.

* Các đơn vị khác sẽ được thành lập theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế khi có nhu cầu.

Điều 9. Cán bộ, công chức của Viện được sắp xếp vào ngạch, bậc theo chức danh, tiêu chuẩn công chức nhà nước và cơ cấu cán bộ, công chức theo quy định của Bộ Y tế. Số lượng biên chế

của Viện được bổ sung, điều chỉnh hằng năm theo nhu cầu thực tế và theo khả năng đáp ứng của Nhà nước.

Điều 10. Viện được mời các chuyên gia, cán bộ khoa học thuộc các cơ quan trong và ngoài nước làm cộng tác viên.

Chương IV**TÀI CHÍNH CỦA VIỆN**

Điều 11. Viện là đơn vị dự toán cấp II, có tài khoản riêng. Viện phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về tài chính kế toán.

Điều 12. Kinh phí hoạt động của Viện do:

- Ngân sách nhà nước cấp.
- Thu từ dịch vụ khoa học kỹ thuật.
- Hợp tác quốc tế.
- Các nguồn thu khác.

Điều 13. Kinh phí hoạt động của Viện để chi:

- Hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.
- Chi thường xuyên.
- Lương và phụ cấp.
- Khen thưởng.
- Phát triển Viện.

Chương V**MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA VIỆN VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VÀ NGOÀI NGÀNH Y TẾ**

Điều 14. Viện chịu sự quản lý, lãnh đạo toàn diện của Bộ trưởng Bộ Y tế, chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của các cơ quan chức năng của Nhà nước và tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình.

Điều 15. Viện được hợp tác với các cơ quan,

đơn vị, các cá nhân trong và ngoài ngành Y tế từ Trung ương đến địa phương để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 16. Viện được hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, các cá nhân người nước ngoài về các lĩnh vực được Bộ trưởng Bộ Y tế giao và phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 17. Điều lệ này có 6 Chương, 17 Điều. Trong quá trình thực hiện, theo đề nghị của Viện trưởng, Điều lệ này có thể được Bộ trưởng xem xét để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Bộ trưởng Bộ Y tế

ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH số 684/2000/QĐ-BYT
ngày 07/3/2000 về việc ban hành bản
Quy định chức năng, nhiệm vụ và
tổ chức bộ máy của Trung tâm
Phòng chống sốt rét thuộc Sở Y
tế tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 68/CP ngày 11/10/1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 01/1998/NĐ-CP ngày 03/1/1998 của Chính phủ về hệ thống tổ chức y tế địa phương và Thông tư liên tịch số 02/1998/

TTLT-BYT-BTCCBCP ngày 27/6/1998 của liên Bộ Y tế - Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 01/1998/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Y tế dự phòng - Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Trung tâm Phòng chống sốt rét thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành, các quy định trước đây trái với quy định trong Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Y tế dự phòng - Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Y tế

ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG

**QUY ĐỊNH chức năng, nhiệm vụ và
tổ chức bộ máy của Trung tâm
Phòng chống sốt rét thuộc Sở Y
tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
ương.**

(ban hành kèm theo Quyết định số 684/2000/QĐ-BYT ngày 07/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

I. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG

Trung tâm Phòng chống sốt rét là đơn vị sự